

**BÁO CÁO**

**Tình hình kinh tế - xã hội tháng 01  
và một số công tác trọng tâm tháng 02/2023**

Trong tháng, Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung chỉ đạo hoàn thành việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2023 và các Nghị quyết HĐND tỉnh mới ban hành tại kỳ họp thứ 7 - Kỳ họp thường lệ cuối năm 2022 HĐND tỉnh khóa X; ban hành và tổ chức hội nghị triển khai Kế hoạch hành động<sup>(1)</sup> thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ đảm bảo đúng thời gian quy định; chỉ đạo tăng cường các biện pháp bảo đảm đón Tết Nguyên đán Quý Mão 2023 vui tươi, lành mạnh, an toàn, tiết kiệm; các cấp, các ngành và địa phương tổ chức hội nghị tổng kết năm và triển khai nhiệm vụ, kế hoạch năm 2023 với quyết tâm cao. Tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển, khởi sắc hơn so với tháng trước và cùng kỳ; thu ngân sách, sản lượng thủy, phát triển doanh nghiệp, giá trị sản xuất công nghiệp tăng khá so với cùng kỳ; giá cả hàng hóa, mặt hàng thiết yếu phục vụ thị trường Tết cơ bản ổn định, công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm; công tác chi trả lương, thưởng tại các cơ quan, doanh nghiệp được thực hiện kịp thời; các hoạt động thăm và chúc tết tại các doanh nghiệp tiêu biểu có nhiều đóng góp cho tỉnh, các hoạt động an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa, thăm viếng người có công, người có uy tín, đồng bào dân tộc được thực hiện chu đáo; các hoạt động chỉnh trang mỹ quan đô thị, nông thôn, cơ quan, đơn vị, nơi công cộng, vệ sinh môi trường được thực hiện khẩn trương; dịch bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng kéo giảm so với tháng trước; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội tiếp tục được tập trung triệt phá, ngăn chặn và đẩy lùi. Cụ thể kết quả trên một số, ngành, lĩnh vực như sau:

**I. HOẠT ĐỘNG CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA UBND, CHỦ TỊCH UBND TỈNH**

**1. Các cuộc họp, làm việc của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh**

Trong tháng 01 năm 2023, ngoài chỉ đạo điều hành xử lý các công việc thường xuyên theo kế hoạch và chương trình công tác Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh đã chủ trì và tham dự 62 cuộc họp, hội nghị; 11 cuộc tiếp và làm việc với Bộ, ngành Trung ương, doanh nghiệp; 34 cuộc kiểm tra, khảo sát thực tế địa phương. Đồng thời, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo một số vấn đề quan trọng như: Chỉ đạo phổ biến, triển khai thực hiện các nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định và chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: Nghị định số 129/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực giai đoạn 2022 - 2027; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ ban hành sửa

<sup>1</sup> Quyết định số 95./QĐ-UBND ngày 19/01/2023.

đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học; Nghị định số 112/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Chi Lê giai đoạn 2022 - 2027; Nghị định số 120 và 124/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản, Hiệp định Đối tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản giai đoạn 2022 - 2028; Nghị định số 115 và 116/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ ban hành Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu giai đoạn 2022 - 2027; Nghị định số 131/2022/NĐ-CP ngày 31/12/2022 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết một số điều của Luật Điện ảnh; Nghị định số 103/2022/NĐ-CP ngày 12/12/2022 của Chính phủ Quy định về trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân; Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính phủ về học phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022 - 2023; Nghị quyết số 163/NQ-CP ngày 16/12/2022 của Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam; Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 30/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển bảo hiểm tiền gửi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 30/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023; Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 05/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam đến năm 2030; Quyết định số 1651/QĐ-TTg ngày 30/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai quốc gia; Quyết định số 01/QĐ-TTg ngày 03/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030”; Quyết định số 1643/QĐ-TTg ngày 29/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Dệt May và Da Giày Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035; Quyết định số 1609/QĐ-TTg ngày 26/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2022 - 2030”; Quyết định số 1639/QĐ-TTg ngày 28/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu ngành giao thông vận tải; Quyết định số 1595/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; Quyết định số 28/2022/QĐ-TTg ngày 20/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ

sung một số điều của Quyết định số 18/2019/QĐ-TTg ngày 19/4/2019 quy định việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin cho thiết bị camera giám sát...

## 2. Ban hành các văn bản của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 07 kế hoạch; 201 Quyết định cá biệt và 1400 văn bản hành chính khác. Ngoài ra Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 22 thông báo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch tại các cuộc họp, hội nghị với các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

## II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG THÁNG 01/2023

### 1. Công tác phòng, chống dịch Covid-19

- Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ tiêm vắc xin phòng Covid-19 theo phân bổ của Bộ Y tế, đến ngày 17/01/2023, tỷ lệ tiêm chủng toàn tỉnh đạt 99,99%, trong đó đã tiêm cho: (1) người từ 18 tuổi trở lên mũi 1 đạt 100,63%, mũi 2 đạt 99,43%, mũi 3 đạt 91,17%, mũi 4 đạt 37,28% (*đối tượng nguy cơ cao từ 18 tuổi trở lên đạt 100%*); (2) trẻ em từ 12-17 tuổi mũi 1 đạt 103,6%, mũi 2 đạt 100,6%, mũi 3 đạt 73,3%; (3) trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi: mũi 1 đạt 108,1%; mũi 2 đạt 92,85%.

- Trong tháng, ghi nhận 10 ca mắc Covid-19 (giảm 61 ca so với tháng trước), tử vong 01 ca (bằng tháng trước), toàn tỉnh hiện còn 02 ca cách đang cách ly, điều trị.

### 2. Tài chính, ngân hàng

Tập trung thực hiện công tác thanh quyết toán năm 2022 và chuyển giao dự toán năm 2023. Thu ngân sách 927,388 tỷ đồng, đạt 7,2% dự toán, gấp 75,8 lần cùng kỳ<sup>(2)</sup>, trong đó thu nội địa 47,211 tỷ đồng, gấp 3,86 lần so với cùng kỳ. Chi ngân sách 471,439 tỷ đồng, đạt 4,1% dự toán, gấp 32 lần cùng kỳ<sup>(3)</sup>.

Chỉ đạo theo dõi, điều hòa quỹ tiền mặt đảm bảo thanh khoản, an toàn kho quỹ, đáp ứng kịp thời nhu cầu giao dịch tại các tổ chức tín dụng (TCTD) và hệ thống máy ATM dịp Tết Nguyên đán; duy trì ổn định mặt bằng lãi suất cho vay theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (tối đa không quá 9,5%/năm), ước đến 31/01/2023, vốn hoạt động của các TCTD đạt 45.300 tỷ đồng<sup>(4)</sup>, tăng 0,92% so với cuối năm 2022, tổng dư nợ cho vay đạt 38.750 tỷ đồng, tăng 0,65% so với cuối năm 2022, nợ xấu được kéo giảm còn 1,04% (cùng kỳ 1,16%).

### 3. Thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ

(1) *Thực hiện các chính sách thông qua Ngân hàng chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Trà Vinh*, trong năm 2022 tỉnh được Trung ương giao 169,63 tỷ đồng để thực hiện 05 Chương trình tín dụng chính sách, đã giải ngân 100% kế hoạch vốn được giao, trong đó:

<sup>2</sup> Nguyên nhân tăng cao so với cùng kỳ là do tháng 01/2023 có phát sinh thu bổ sung từ ngân sách cấp trên (880,177 tỷ đồng), trong khi tháng 01/2022 Kho bạc Nhà nước chưa hạch toán thu bổ sung từ ngân sách cấp trên

<sup>3</sup> Nguyên nhân tăng cao so với cùng kỳ là do tháng 01/2023 các cơ quan, đơn vị chi 02 tháng lương của năm 2023.

<sup>4</sup> Trong đó: dư nợ cho vay nông nghiệp, nông thôn 20.900 tỷ đồng; cho vay xuất khẩu 610 tỷ đồng; cho vay DNNVV 4.890 tỷ đồng.

- Chính sách Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ: đã giải ngân 140 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch vốn được phân bổ;

- Chính sách Cho vay đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn để mua máy vi tính, thiết bị học tập trực tuyến và trang trải chi phí học tập: Đã giải ngân 1,62 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch vốn được phân bổ;

- Chính sách Cho vay đối với cá nhân, hộ gia đình để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân; xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo chính sách về nhà ở xã hội theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015, Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ: Giải ngân 6,33 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch vốn được phân bổ;

- Chính sách Cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi Covid-19: Giải ngân 480 triệu đồng, đạt kế hoạch vốn được phân bổ;

- Chính sách Cho vay thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2030 theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022: Giải ngân 21,025 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch vốn được phân bổ.

(2) Thực hiện Chương trình cho vay hỗ trợ lãi suất 2% từ nguồn Ngân sách Nhà nước theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP: đến nay có 05 khách hàng<sup>(5)</sup> được hỗ trợ tiếp cận chính sách, tổng dư nợ được hỗ trợ lãi suất 6,83 tỷ đồng.

#### 4. Tình hình phát triển các ngành, lĩnh vực

##### 4.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

###### a) Sản xuất nông nghiệp:

###### \* Sản xuất lúa:

Tổng diện tích lúa gieo sạ trong tháng ước đạt 36.807ha, nâng tổng số đến nay gieo sạ 58.884ha, trong đó:

+ Vụ Thu Đông: thu hoạch 27.534ha, lũy kế đến nay thu hoạch 64.580 ha (đạt 99,87% diện tích xuống giống<sup>(6)</sup>), năng suất trung bình 4,83 tấn/ha, thấp hơn cùng kỳ 0,31 tấn/ha, sản lượng 311.782 tấn (thấp hơn cùng kỳ 74.708 tấn).

+ Vụ mùa: Thu hoạch 882 ha, đạt 61,17% diện tích xuống giống, năng suất 4,18 tấn/ha.

+ Vụ Đông Xuân: xuống giống 36.807ha, lũy kế đầu vụ đến nay xuống giống 57.442 ha, đạt 111,11% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 9,31% (trương đương 5.898ha), lúa đang giai đoạn mạ, đẻ nhánh đến đồng trổ.

Tiếp tục vận động người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện sản xuất từng địa phương. Tổng diện tích cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày,

<sup>5</sup> Gồm 03 doanh nghiệp và 02 hộ kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo; dịch vụ lưu trú, ăn uống.

<sup>6</sup> Mất trắng 82 ha do mưa lớn gây ngập úng cục bộ trong giai đoạn mạ tại xã Ngũ Lạc và Đôn Xuân, huyện Duyên Hải.

cây hàng năm khác gieo trồng đến nay đạt 9.985ha<sup>(7)</sup>, đạt 19% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 398 ha. Tình hình sâu đầu đen hại dừa trong tháng không phát sinh, tuy nhiên diện tích bị ảnh hưởng trước đó chưa được khống chế triệt để, hiện nay còn 33,05ha<sup>(8)</sup> dừa bị sâu đầu đen, trong đó diện tích bị hại nặng 7,2 ha.

\* *Chăn nuôi*: Tập trung phát triển đàn vật nuôi phục vụ nhu cầu tết Nguyên đán, các con nuôi cơ bản phát triển ổn định; tuy nhiên, dịch tả heo Châu Phi vẫn còn xảy ra, đến ngày 15/01/2023 dịch phát sinh tại xã Phong Thạnh, huyện Cầu Kè, số heo nghi, mắc bệnh 37 con đã được tiêu hủy toàn bộ, hiện nay dịch bệnh chưa qua 21 ngày.

\* *Thủy lợi nội đồng*:

Chỉ đạo, đôn đốc các địa phương chủ động công tác thủy lợi nội đồng, kiểm tra, vận hành công tích trữ nước ở những nơi có điều kiện, ngăn triều cường phục vụ sản xuất. Tổ chức 19 đợt kiểm tra, phát hiện và xử lý 04 trường hợp vi phạm hàng lang bảo vệ đê điều. Triều cường cuối năm 2022, kết hợp gió mùa Đông Bắc tạo sóng lớn đã gây sụp lún và sạt lở nhiều nơi trên địa bàn thị xã Duyên Hải và huyện Duyên Hải<sup>(9)</sup>.

\* *Xây dựng nông thôn mới, chương trình OCOP*: Kết quả tự đánh giá, 02 huyện Cầu Ngang và Duyên Hải đạt 09/09 tiêu chí huyện nông thôn mới, đã hoàn thiện hồ sơ, chuẩn bị mời Đoàn công tác Trung ương thẩm định. Khai trương Cửa hàng trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm đặc sản, hàng lưu niệm, quà tặng du lịch, sản phẩm OCOP<sup>(10)</sup>. Xây dựng phóng sự các sản phẩm Chương trình OCOP; rà soát, tổng hợp danh mục sản phẩm tham gia Chương trình OCOP năm 2023.

b) *Lâm nghiệp*:

Xây dựng kế hoạch trồng rừng mới, chăm sóc rừng, giao khoán bảo vệ rừng, kế hoạch cho công tác tuyên truyền pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, kế hoạch phòng cháy rừng năm 2023. Tổ chức 76 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện và xử lý 01 trường hợp vi phạm<sup>(11)</sup>.

c) *Thủy sản*:

Diện tích thả nuôi thủy sản đạt 8.248ha<sup>(12)</sup>, tình hình thiệt hại tôm xảy ra rải rác nhưng không đáng kể và thấp hơn cùng kỳ, mức độ thiệt hại khoảng 1% lượng giống thả nuôi (*chủ yếu giai đoạn từ 15 - 30 ngày tuổi, do bệnh đốm trắng, đờ thân*). Tổng sản lượng thủy hải sản ước đạt 8.783 tấn, đạt 3,59% kế hoạch (*cao hơn cùng kỳ 144 tấn*), trong đó: sản lượng nuôi trồng đạt 4.787 tấn (*nuôi nước ngọt 3.966 tấn; nuôi mặn, lợ 820 tấn*), sản lượng khai thác 3.996 tấn (*khai thác biển 3.537 tấn, khai thác nội đồng 459 tấn*).

<sup>7</sup> Trong đó: Mâu lương thực 1.232 ha (đạt 26,02% kế hoạch), mâu thực phẩm 6.684 ha (đạt 20,52% kế hoạch); cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 2.069 ha (đạt 14,73% kế hoạch).

<sup>8</sup> Trong đó: huyện Càng Long 2,35ha; huyện Tiểu Cần 30,7ha.

<sup>9</sup> + Thị xã Duyên Hải: Sụp lún 02 vị trí mái kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh với diện tích 41m<sup>2</sup>; sạt lở bờ biển ấp Chợ, xã Hiệp Thạnh với diện tích 2,3ha; sạt lở biển xã Trường Long Hòa tại 02 vị trí với chiều dài sạt lở 300 m, sạt lở ăn sâu vào bờ từ 5-10 m.

+ Huyện Duyên Hải: triều cường dâng cao, nước tràn bờ với chiều dài khoảng 1.200 m từ ấp Đông Thành đến ấp Hồ Thùng, xã Đông Hải, gây ngập, ảnh hưởng nhà ở của 12 hộ dân và thiệt hại hoa màu với diện tích khoảng 04 ha.

<sup>10</sup> Có 94 sản phẩm của 37 doanh nghiệp tham gia.

<sup>11</sup> Phá rừng trái pháp luật làm thiệt hại 264m<sup>2</sup> chủng loại Mắm, Dước, rừng trồng năm 1999 tại ấp Phước Thiện, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải.

<sup>12</sup> Chủ yếu là nuôi mặn, lợ, trong đó: tôm sú 3.699ha, cua biển 3.933ha, tôm thẻ chân trắng 516ha.

## 4.2. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp ước thực hiện giảm 6,02% so với tháng trước; giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 2.572,89 tỷ đồng, đạt 7,6% kế hoạch, giảm 4,04% so với tháng trước nhưng tăng 8,93% so cùng kỳ, trong đó: (i) công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,44%; (ii) công nghiệp khai khoáng tăng 40,34%; (iii) công nghiệp cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,24%; (iv) công nghiệp sản xuất, phân phối điện, nước nóng, hơi nước tăng 7,48%. So với so với cùng kỳ, có 07 sản phẩm tăng<sup>(13)</sup>, 06 sản phẩm giảm sản lượng<sup>(14)</sup>.

Phát triển điện: Phát triển mới 1,39km đường dây trung thế; 0,65km đường dây hạ thế, 42 trạm biến áp, 56 hộ sử dụng điện, tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 99,51%.

## 4.3. Thương mại - dịch vụ

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, nhìn chung thị trường hàng hóa phục vụ dịp Tết Nguyên đán được đảm bảo, không xảy ra đầu cơ, găm hàng, tăng giá đột biến, các mặt hàng thiết yếu bảo đảm cân đối cung - cầu. Triển khai Chương trình bình ổn thị trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2022 và Tết Nguyên đán Quý Mão 2023 theo hướng xã hội hóa, có 07 doanh nghiệp<sup>(15)</sup> 05 Siêu thị<sup>(16)</sup> 24 Cửa hàng tiện lợi Bách Hóa Xanh<sup>(17)</sup> và VinMart+ trên địa bàn tỉnh; với tổng trị giá hàng hóa trên 168 tỷ đồng. Tổ chức 07 Phiên chợ hàng Việt về nông thôn và các chuyến bán hàng lưu động tại huyện Châu Thành, Trà Cú, Tiểu Cần, Càng Long, Cầu Kè và xã Long Đức. Sức mua trong dân tăng khá, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 5.015,46 tỷ đồng, đạt 9,56% kế hoạch, tăng 78,17% so với cùng kỳ, trong đó: Bán lẻ hàng hóa tăng 75,76%; Lưu trú, ăn uống tăng 106,14%; Dịch vụ khác tăng 57,93%.

## 4.4. Công tác xúc tiến đầu tư<sup>(18)</sup>, thương mại; hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp<sup>(19)</sup>, kinh tế tập thể, hợp tác xã

Triển khai Kế hoạch tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Trà Vinh lần thứ VI năm 2023. Hỗ trợ 02 doanh nghiệp cập nhật, giới thiệu quảng bá 05 loại sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu và trên 20 loại sản phẩm đạt chứng nhận an toàn, VietGap, ISO lên Sàn Thương mại điện tử.

Tổ chức Lớp tập huấn hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư năm 2020 và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư; tiếp và làm việc với 01 lượt nhà đầu tư<sup>(20)</sup>; cấp mới Quyết định chủ trương đầu tư cho 01 dự án trong

<sup>13</sup> Gồm: Thuốc viên các loại tăng 63,66%; Sản xuất túi xách các loại tăng 60,13%; Than hoạt tính tăng 20%; Sản lượng điện thương phẩm tăng 8,1%; Bộ truyền dẫn điện dùng trong ô tô tăng 5,56%; Giấy thành phẩm tăng 3,85%; Nước sinh hoạt tăng 0,06%.

<sup>14</sup> Gồm: Gạo xay sát giảm 47,02%; Sản xuất điện giảm 34,73%; Đường kết giảm 34,43%; Thảm dệt các loại giảm 7,77%; May mặc giảm 1,53%; Thủy sản đông lạnh giảm 0,02%.

<sup>15</sup> Công ty Lương Thực Trà Vinh; Công ty TNHH TM-DV Đức Hưng; Công ty TNHH MTV TMVT Trường Anh; Công ty TNHH MTV Mai Ninh; Công ty TNHH MTV Công Lĩnh; Công ty CP TMDV Rau sạch; Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Hoàng Đông.

<sup>16</sup> Co.opmart Trà Vinh; Co.opmart Tiểu Cần; Co.opmart Duyên Hải; Go Trà Vinh; VinMart.

<sup>17</sup> Tp Trà Vinh 03 điểm; Trà Cú 01 điểm; Tiểu Cần 01 điểm; Cầu Ngang 02 điểm; Châu Thành 01 điểm; Thị xã Duyên Hải 02; Càng Long 05 điểm; Cầu Kè 01 điểm.

<sup>18</sup> Đến nay, toàn tỉnh có 379 dự án còn hiệu lực, trong đó có 37 dự án đầu tư nước ngoài, với tổng vốn đăng ký 3,07 tỷ USD và 342 dự án đầu tư trong nước, với tổng vốn đăng ký 137.967,5 tỷ đồng. Trong 379 dự án, có: 267 dự án đang hoạt động sản xuất kinh doanh; 41 dự án đang triển khai; 33 dự án đang thực hiện thủ tục pháp lý; 01 dự án đang thực hiện thủ tục chấm dứt dự án; 03 dự án ngừng hoạt động; 34 dự án đang rà soát để kiểm tra tình hình hình thực hiện.

<sup>19</sup> Đến nay có 3.669 doanh nghiệp, vốn 57.549 tỷ đồng, 83.602 lao động (hiện có 3.136 doanh nghiệp đang hoạt động, vốn 52.597 tỷ đồng, 74.128 lao động) trong đó có 43 doanh nghiệp FDI.

<sup>20</sup> Dự án sản xuất chế biến dừa Betrimex tại tỉnh Trà Vinh của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre.

nước vốn đăng ký 110 tỷ đồng; chấm dứt hoạt động 01 dự án<sup>(21)</sup>; tiếp tục theo dõi, đôn đốc các nhà đầu tư triển khai các dự án; kiểm tra tiến độ thực hiện 04 dự án<sup>(22)</sup>. Phát triển mới 41 doanh nghiệp (đạt 7,9% kế hoạch), giải thể 09 doanh nghiệp, tạm dừng hoạt động 72 doanh nghiệp, tỷ lệ giao dịch qua mạng đạt 75% (so với cùng kỳ), số doanh nghiệp thành lập mới tăng 02 doanh nghiệp; doanh nghiệp giải thể giảm 10 doanh nghiệp; số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn tăng 22 doanh nghiệp). Phát triển mới 01 HTX, nâng tổng số toàn tỉnh hiện nay có 172 HTX<sup>(23)</sup> đang hoạt động, 01 Liên hiệp HTX Nông nghiệp.

#### 4.5. Đầu tư, xây dựng cơ bản, công tác quy hoạch

Hoàn chỉnh dự thảo Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo ý kiến của Hội đồng thẩm định và báo cáo Ban Thường vụ, Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh. Tiếp tục xây dựng các Đề án quan trọng như: Đề án phát triển kinh tế ban đêm tỉnh Trà Vinh đến năm 2030, Đề án tổng thể phát triển đô thị thông minh bền vững tỉnh Trà Vinh năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045, Chương trình phát triển đô thị thành phố Trà Vinh (mở rộng) đến năm 2030, các quy hoạch chung (thành phố Trà Vinh mở rộng, thị trấn Cầu Ngang, thị trấn Cầu Kè, đô thị Càng Long...).

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 là 4.262,239 tỷ đồng, đến ngày 19/01/2023 giải ngân 3.943,058 tỷ đồng, đạt 92,5% kế hoạch (cùng kỳ giải ngân 93,6% kế hoạch), trong đó: (i) Kế hoạch vốn Thủ tướng chính phủ giao đầu năm: giải ngân 3.533,308 tỷ đồng/3.732,822 tỷ đồng, đạt 94,7% kế hoạch; (ii) Kế hoạch vốn bổ sung trong năm: giải ngân 217,092 tỷ đồng/302,355 tỷ đồng, đạt 71,8% kế hoạch và (iii) Kế hoạch vốn năm 2021 chuyển sang năm 2022: giải ngân 192,659 tỷ đồng/227,062 tỷ đồng, đạt 84,8% kế hoạch. Kế hoạch vốn năm 2023 là 4.574,233 tỷ đồng, đến ngày 19/01/2023 giải ngân 228,321 tỷ đồng, đạt 5% kế hoạch (cùng kỳ giải ngân 5,5% kế hoạch).

### 5. Giáo dục và Đào tạo; Khoa học và Công nghệ

#### 5.1. Giáo dục và Đào tạo

Tổ chức kiểm tra học kỳ I năm học 2022-2023; công nhận các huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2022; công nhận 03 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1<sup>(24)</sup>, 03 trường học đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2<sup>(25)</sup>, 07 trường đạt chuẩn<sup>(26)</sup>; thành lập Hội đồng cấp tỉnh xét tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo ưu tú năm 2023; trình Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt tài liệu giáo dục địa phương lớp 8, lớp 9 lớp 10. Hoàn chỉnh dự thảo hồ sơ Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung chi và mức chi cho công tác xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; chủ trương tạm thu học phí học năm học 2022-2023.

<sup>21</sup> Dự án "Trường mầm non tư thục Minh Huyền" của Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ do đặc bản đồ Đại An

<sup>22</sup> Gồm: Dự án Chợ chuyên danh nông sản Trà Điều; Dự án đầu tư máy móc, thiết bị nhà máy may mặc xuất khẩu; dự án Trường tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Việt Anh 5; dự án Nhà xưởng chế tạo cơ khí.

<sup>23</sup> Trong đó có 125 HTX Nông nghiệp, 32 HTX phi nông nghiệp, 16 Quỹ tín dụng. với vốn điều lệ 166,167 tỷ đồng, thu hút 28.845 thành viên và 28 HTX ngưng hoạt động (đang trong giai đoạn củng cố/giải thể).

<sup>24</sup> Gồm trường: Tiểu học Long Hòa, huyện Châu Thành, Mẫu giáo Thiên Thanh, huyện Càng Long; Tiểu học Đồng Hải A, huyện Duyên Hải; MN xã Châu Điền huyện Cầu Kè.

<sup>25</sup> Gồm các trường: Tiểu học Long Hòa huyện Châu Thành; Mẫu giáo Thiên Thanh huyện Càng Long; Mầm non xã Châu Điền, huyện Cầu Kè.

<sup>26</sup> Gồm: THCS Ninh Thới huyện Cầu Kè, THCS B An Trường huyện Càng Long, THCS Hưng Mỹ huyện Châu Thành, phổ thông DTNT THCS&THPT huyện Trà Cú và THCS thị trấn Châu Thành, THPT Vũ Đình Liệu huyện Châu Thành, THPT Tiểu Cần.

## 5.2. Khoa học và Công nghệ

Phê duyệt 02 đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh<sup>(27)</sup>; tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện 03 đề tài<sup>(28)</sup>; nghiệm thu 01 đề tài<sup>(29)</sup> khoa học công nghệ; triển khai thực hiện 05 đề tài phát triển tài sản trí tuệ<sup>(30)</sup>; chấm điểm 78 sáng kiến. Cấp mới và cấp gia hạn 02 giấy phép tiến hành công việc bức xạ sử dụng thiết bị X-quang trong y tế; phê duyệt 02 kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ cấp cơ sở. Triển khai Kế hoạch kiểm tra về đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa trước, trong và sau Tết Nguyên Đán Quý Mão năm 2023<sup>(31)</sup>; Kế hoạch hưởng ứng Ngày đo lường Việt Nam năm 2023.

## 6. Bảo trợ xã hội, phúc lợi xã hội và các lĩnh vực xã hội khác

### 6.1. Đào tạo nghề và giải quyết việc làm

Tạo việc làm mới cho 1.345 lao động, đạt 5,8% kế hoạch; đưa 136 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, đạt 15,1% kế hoạch. Trợ cấp thất nghiệp cho 642 lao động với số tiền chi trả 10,124 tỷ đồng. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức tư vấn tuyển sinh các cấp trình độ đào tạo nghề cho lao động nông thôn từ nguồn kinh phí năm 2023; tư vấn tuyển sinh cho đối tượng là bộ đội xuất ngũ và công an xuất ngũ. Cấp phép đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp cho Công ty TNHH MTV đào tạo Red Wood. Ban hành Chương trình An toàn, vệ sinh lao động tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025.

### 6.2. Thực hiện chính sách ưu đãi người có công

Thăm và tặng quà tết cho 46.208 lượt người có công và thân nhân người có công với cách mạng, với số tiền trên 13 tỷ 317 triệu đồng (trong đó kinh phí Trung ương là trên 6 tỷ 187 triệu đồng, kinh phí địa phương là trên 6 tỷ 720 triệu đồng)<sup>(32)</sup>. Giải quyết chế độ chính sách cho 92 trường hợp người có công với cách mạng<sup>(33)</sup>; cấp thẻ bảo hiểm y tế cho 16 trường hợp theo Quyết định 290, 62, 49 của Thủ tướng Chính phủ. Thực hiện Đề án hỗ trợ gia đình người có công với cách mạng khó khăn về nhà ở, đến nay đã triển khai xây dựng 1.821/1.943 căn<sup>(34)</sup>, giải ngân đạt 92,3%.

### 6.3. Bảo trợ xã hội và giảm nghèo

Thăm, tặng quà mừng thọ của Chủ tịch nước cho 50 cụ tròn 100 tuổi, quà của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho 151 cụ tròn 90 tuổi<sup>(35)</sup>. Tặng quà Tết cho 71.678 lượt người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn... vui xuân đón tết, với tổng giá trị quy ra tiền 24,884 tỷ đồng (trong đó: hỗ trợ 12.322 phần quà cho hộ nghèo, trị giá 4,650 tỷ đồng; hỗ trợ 24.235 phần quà cho hộ cận nghèo, trị giá 8,809 tỷ đồng; hỗ trợ 35.121 phần quà cho người có hoàn cảnh khó khăn, trị giá 11,425 tỷ

<sup>27</sup> Gồm: ((1)"Lịch sử công tác dân vận tỉnh Trà Vinh giai đoạn 1930 - 2020" do Ban Dân vận Tỉnh ủy Trà Vinh chủ trì thực hiện và ThS. Kim Rương chủ nhiệm đề tài; (2)"Nghiên cứu quy trình sản xuất giống nhân tạo Vọp (*Geloma sp.*) ở tỉnh Trà Vinh" do Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản II chủ trì thực hiện và ThS. Võ Minh Sơn chủ nhiệm đề tài.

<sup>28</sup> Đến tháng 01/2023, đã tuyển chọn 06 nhiệm vụ thuộc Danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh năm 2023.

<sup>29</sup> Đề tài "Xây dựng mô hình sản xuất lươn giống (*Monopterus albus*) bằng phương pháp bán nhân tạo tại tỉnh Trà Vinh" do Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ chủ trì thực hiện, KS. Nguyễn Bình Nguyễn làm chủ nhiệm đề tài. Kết quả Hội đồng đánh giá đạt.

<sup>30</sup> Đăng ký bảo hộ, quản lý và quảng bá nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm: thanh long, cua biển, bưởi da xanh, lúa hữu cơ, tôm hữu cơ.

<sup>31</sup> Kiểm tra về đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại 06 cơ sở, 03 cửa hàng xăng dầu; kiểm tra khối lượng, nhãn hàng hóa 210 lượt mặt hàng tiêu dùng, thực phẩm; kiểm định 843 phương tiện đo các loại.

<sup>32</sup> Trong đó, kinh phí Trung ương hỗ trợ trên 6 607 triệu đồng, còn lại là kinh phí địa phương.

<sup>33</sup> Giải quyết chế độ thờ cúng liệt sĩ 60 trường hợp; chế độ mai táng phí 32 trường hợp.

<sup>34</sup> Trong đó: Số căn đã xây dựng hoàn thành là 1.814 căn (đạt 93,3%); số căn đang triển khai xây dựng là 07 căn; số căn không triển khai xây dựng là 122 căn (xây mới 80; sửa chữa 42), địa phương hoàn trả kinh phí về ngân sách 5,1 tỷ đồng.

<sup>35</sup> Mỗi phần quà trị giá 300.000 đồng và kèm theo 1.000.000 đồng tiền mặt.



đồng). Tổ chức Lễ bàn giao 905 căn nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo, hộ người cao tuổi thuộc hộ cận nghèo từ nguồn Quỹ an sinh xã hội tỉnh. Trung tâm Bảo trợ xã hội hiện chăm sóc, nuôi dưỡng 164 đối tượng<sup>(36)</sup>; vận động mạnh thường quân, các tổ chức từ thiện đến tặng quà cho các đối tượng nuôi dưỡng tại Trung tâm, với số tiền và quà trị giá trên 162 triệu đồng.

#### 6.4. Công tác dân tộc, tôn giáo, thực hiện bình đẳng giới và bảo vệ, chăm sóc trẻ em

Tổ chức thăm, tặng quà người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, chức sắc, chức việc tiêu biểu trong tôn giáo nhân dịp Tết. Tiếp tục triển khai thực hiện các Dự án, Tiểu dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào thiểu số và miền núi<sup>(37)</sup>. Hỗ trợ kinh phí sửa chữa Chánh điện chùa Long An với số tiền 100 triệu đồng. Chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trong dịp Tết Nguyên đán 2023. Tổng hợp nhu cầu hỗ trợ trẻ em năm 2023 gửi Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam.

#### 6.5. Chăm sóc sức khỏe nhân dân

Tổng lượt khám bệnh, chữa bệnh trong tháng 134.679 lượt<sup>(38)</sup>; phát hiện và xử lý 54 ổ dịch<sup>(39)</sup>, 83 ca sốt xuất huyết<sup>(40)</sup>, 31 ca bệnh tay chân miệng<sup>(41)</sup>; phát hiện mới 15 người nhiễm HIV<sup>(42)</sup>; kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm dịp Tết Nguyên đán Quý Mão và mùa Lễ hội Xuân 2023 tại các huyện Càng Long, Châu Thành và Trà Cú. Xây dựng kế hoạch chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động phòng chống bệnh nghề nghiệp năm 2023; Kế hoạch phòng, chống tai nạn, thương tích tại cộng đồng ngành y tế năm 2023.

#### 6.6. Văn hóa, thể thao và du lịch

Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ<sup>(43)</sup>, các giải thể thao<sup>(44)</sup>, trang trí khánh tiết phục vụ đêm giao thừa mừng Đảng - mừng Xuân Quý Mão năm 2023. Tổ chức Liên hoan gia đình văn hóa tiêu biểu tỉnh Trà Vinh năm 2022<sup>(45)</sup>. Công nhận Chùa Lò Gạch là di tích cấp tỉnh<sup>(46)</sup>. Trao tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể lần thứ 3. Trong tháng, lượng khách và doanh thu du lịch có chiều hướng tăng so với tháng

<sup>36</sup> Nam: 100, nữ: 64, gồm: người thân linh tâm thần: 108 người (trong đó có 01 trẻ em, 21 người cao tuổi); người cao tuổi bình thường, khuyết tật vận động: 25 người; trẻ em mồ côi, bị bỏ rơi, khuyết tật, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn: 18 người và người từ 18 tuổi đang học phổ thông: 01 người; người khuyết tật đặc biệt nặng (vận động, trí tuệ, nhìn): 12 người.

<sup>37</sup> Dự án 1: Trong tháng, hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 112 hộ với số tiền 220 triệu đồng, lũy kế đến nay hỗ trợ 138 hộ với số tiền 1.380 triệu đồng; Hỗ trợ nước sinh hoạt cho 294 hộ với số tiền 542,7 triệu đồng; giải ngân 446 hộ vay vốn với số tiền 21.205 triệu đồng theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP (đạt 42,4% kế hoạch). Dự án 4: thi công 51/51 công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu, giải ngân 81,7% kế hoạch vốn; hoàn thành thi công 21/21 công trình duy tu, bảo dưỡng, giải ngân đạt 98,9% kế hoạch vốn.

<sup>38</sup> Đạt 20,7% so với kế hoạch.

<sup>39</sup> Giảm 23 ổ so với tháng trước (77 ổ).

<sup>40</sup> Số ca mắc giảm 109 ca so với tháng trước (192 ca).

<sup>41</sup> Số ca mắc giảm 65 ca so với tháng trước (96 ca)

<sup>42</sup> Đến ngày 04/01/2023, toàn tỉnh có 2.716 người nhiễm HIV; 1.618 người chuyển sang giai đoạn AIDS; 1.073 người tử vong do HIV/AIDS.

<sup>43</sup> Tổ chức chương trình văn nghệ Tết Quân - Dân tại các huyện; Hội thi “Tiếng hát mùa Xuân” tỉnh Trà Vinh năm 2023, kết quả Ban Tổ chức tặng Giấy khen cho 11 thí sinh đạt giải tại Hội thi (01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba và 07 giải Khuyến khích).

<sup>44</sup> Tổ chức 10 giải vô địch tỉnh mừng Đảng, mừng Xuân Quý Mão năm 2023, đến nay đã tổ chức 03 giải, cụ thể: (1) Bóng chuyền hơi nam: gồm 07 đơn vị với 70 VĐV tham gia thi đấu; kết quả, Càng Long giải I; Trường Đại học Trà Vinh giải II; Tiểu Cần giải III và Trường Cao đẳng Nghề giải Khuyến khích. (2) Bóng chuyền hơi nữ: gồm 18 đơn vị với khoảng 180 VĐV tham gia thi đấu; kết quả, Sở Giáo dục và Đào tạo giải I; Càng Long giải II; Thành phố Trà Vinh giải III và Tiểu Cần giải Khuyến khích. (3) Cờ tướng: gồm 05 đơn vị với 20 vận động viên tham gia thi đấu; kết quả đã trao 12 huy chương các loại cho các cá nhân, đội đạt thành tích xuất sắc. Ngoài ra, các đội tuyển tham gia Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX năm 2022, đạt 18 Huy chương các loại.

<sup>45</sup> Có 09 đơn vị, cùng 42 hộ gia đình tham dự, đã trao 8 giải tập thể, 13 giải gia đình.

<sup>46</sup> Lũy kế đến nay có 53 di tích được xếp hạng (16 di tích cấp quốc gia, 37 di tích cấp tỉnh).

trước, tổng doanh thu 118,383 tỷ đồng (tăng 6,5%), lượt khách tham quan và lưu trú 126.108 lượt người (tăng 4,9%), công suất phòng bình quân đạt 72,2% (giảm 1,1%).

## 7. Tài nguyên và Môi trường

Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 các huyện Càng Long, Trà Cú, Tiểu Cần và Cầu Ngang. Kiểm tra tình hình sử dụng đất của 12 tổ chức được Nhà nước cho thuê đất trên địa bàn tỉnh<sup>(47)</sup>. Cấp mới 44 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; nâng tổng số đã cấp 626.385 giấy, đạt 99,38% diện tích cần cấp giấy. Triển khai thực hiện Chương trình truyền thông về biển và đại dương năm 2023. Tập huấn nâng cao kiến thức lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản trên địa bàn thị xã Duyên Hải.

Kiểm tra, giám sát công tác vệ sinh, cảnh quan môi trường đón Tết Nguyên đán năm 2023 trên địa bàn tỉnh. Khảo sát hiện trạng việc khắc phục kênh, mương ô nhiễm trên địa bàn xã Hưng Mỹ; kiểm tra, hướng dẫn Công ty TNHH thương mại xăng dầu Chánh Hưng thực hiện dự án “Chăn nuôi heo thịt tập trung”. Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TU ngày 19/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh.

## 8. Thông tin và Truyền thông

Ban hành Kế hoạch triển khai Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Chỉ đạo tăng cường đảm bảo an toàn thông tin mạng trước, trong và sau Tết Nguyên đán Quý Mão. Cấp mới 57 chứng thư số, 26 giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh và 01 giấy phép hợp báo. Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số năm 2023. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành, xử lý hồ sơ<sup>(48)</sup>.

## 9. Cải cách hành chính, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng

Tuyên truyền phục vụ điều tra xã hội học do lường sự hài lòng về sự phục vụ hành chính của tỉnh Trà Vinh năm 2022. Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính, Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023. Thẩm định dự thảo Quyết định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 03 cơ quan<sup>(49)</sup>; thành lập, kiện toàn 09 tổ chức phối hợp liên ngành cấp tỉnh. Triển khai Kế hoạch thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019-2023 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Kết thúc 02 Đoàn thanh tra hành chính, qua đó xem xét thu hồi 4,4 tỷ đồng, xử lý khác 644,7 triệu đồng, kiểm điểm trách nhiệm đối với 03 cá nhân<sup>(50)</sup>. Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành 17 cuộc và 137 lượt tuần tra, kiểm tra với 94 tổ chức và 161

<sup>47</sup> Có 07 dự án có dấu hiệu vi phạm, do chậm tiến độ, chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính,...

<sup>48</sup> Trong tháng, tiếp nhận 23.377 hồ sơ (trong đó có hồ sơ 6.421 trực tuyến), trong đó dịch vụ công mức 3 tiếp nhận trực tuyến 2.942 hồ sơ (chiếm 29,13%), dịch vụ công mức 4 tiếp nhận 3.479 hồ sơ trực tuyến (chiếm 27,26%).

<sup>49</sup> Sở Xây dựng, Sở Y tế, Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh.

<sup>50</sup> Cụ thể: Đoàn thanh tra đột xuất theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh về chính sách miễn, giảm tiền chuyển mục đích sử dụng đất cho gia đình chính sách trên địa bàn thành phố Trà Vinh; kết quả, tổng số tiền sai phạm kiến nghị thu hồi 2.305 triệu đồng (trong đó, đã thu 1.111 triệu đồng). Đoàn thanh tra việc chấp hành chính sách pháp luật trong công tác quản lý thu, chi tài chính và đầu tư XDCB tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp; kết quả sai phạm về kinh tế số tiền 2.739,7 triệu đồng (trong đó: kiến nghị thu hồi 2.095 triệu đồng, xử lý khác số tiền 644,7 triệu đồng) và kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm đối với 03 cá nhân.

cá nhân, phát hiện và xử lý 37 trường hợp vi phạm, xử phạt vi phạm hành chính 291,6 triệu đồng. Tiếp 362 lượt người đến khiếu nại, tố cáo, nhận 302 đơn; giải quyết 74/208 đơn thuộc thẩm quyền, đạt 35,5%<sup>(51)</sup>.

### 10. Quốc phòng, an ninh

Tiếp tục đợt ra quân thực hiện đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, bảo đảm an ninh, trật tự Tết Nguyên đán Quý Mão 2023<sup>(52)</sup>; tổ chức các hoạt động kỷ niệm 78 năm ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam; 33 năm ngày Hội quốc phòng toàn dân.

Trong tháng, xảy ra 17 vụ tội phạm về trật tự xã hội (*giảm 01 vụ so với tháng trước*); phát hiện 14 vụ tội phạm về ma túy (*tăng 07 vụ so với tháng trước*); điều tra, làm rõ, khởi tố 01 vụ tham ô tài sản<sup>(53)</sup>; kiểm tra, phát hiện 29 vụ vi phạm trên lĩnh vực môi trường<sup>(54)</sup> (*tăng 12 vụ so với tháng trước*); xảy ra 02 vụ tai nạn giao thông (*so với tháng trước giảm 02 vụ, giảm 02 người chết, giảm 01 người bị thương*). Chỉ đạo tổng rà soát, kiểm tra PCCC và cứu nạn cứu hộ trước, trong và sau Tết.

### III. HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

Giá trị sản xuất công nghiệp giảm so với tháng trước, các doanh nghiệp cho công nhân nghỉ Tết Nguyên đán kéo dài từ 7 - 10 ngày, lượng hàng sản xuất giảm tương ứng; sản xuất nhiệt điện tiếp tục giảm so tháng trước và cùng kỳ. Doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động còn cao; sản xuất hoa màu, hoa kiểng phục vụ Tết nguyên đán gặp bất lợi do ảnh hưởng của thời tiết, giá cả vật tư nông nghiệp tăng cao<sup>(55)</sup>; sâu đầu đen hại dưa chưa được khống chế triệt để, dịch tả heo Châu Phi vẫn còn xảy ra; công tác tiêm phòng đàn vật nuôi còn chậm<sup>(56)</sup>.

### IV. MỘT SỐ CÔNG TÁC TRỌNG TÂM THÁNG 02/2023

Căn cứ Chương trình công tác quý I/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2023, trong tháng 02 cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Tập trung triển khai nhanh các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; hoàn chỉnh Đề án phát triển kinh tế ban đêm tỉnh Trà Vinh đến năm 2030; chủ động chuẩn bị các nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp chuyên đề.

2. Tập trung theo dõi sát, dự báo tình hình triều cường, xâm nhập mặn, vận hành hiệu quả hệ thống cống đầu mối phục vụ sản xuất, sinh hoạt của Nhân dân. Tăng cường các biện pháp phòng, chống các loại dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, tập trung khoanh vùng, xử lý dứt điểm dịch tả lợn Châu Phi, sâu đầu đen hại dưa; tăng cường kiểm tra các phương tiện vận chuyển, các lò giết mổ, các cơ sở mua bán

<sup>51</sup> Giải quyết đơn tố cáo đạt 33,3%, đơn khiếu nại đạt 36,8%, đơn yêu cầu đạt 40,6%, đơn phản ánh, kiến nghị đạt 32,7%, đơn tranh chấp đất đai đạt 32,8%

<sup>52</sup> Thời gian thực hiện cao điểm từ ngày 15/11/2022 đến hết ngày 05/02/2023 với phương châm "Thức cho dân ngủ ngon, gác cho dân vui chơi; lấy niềm vui, hạnh phúc của nhân dân làm niềm vui, lẽ sống của mình".

<sup>53</sup> Xảy ra tại Công an huyện Tiểu Cần, bắt tạm giam 01 bị can, đã thu hồi tài sản 1,261 tỷ đồng (đạt 100%).

<sup>54</sup> Trong đó: 14 vụ vi phạm quản lý về khai thác, tăng trữ, mua bán khoáng sản.

<sup>55</sup> Thời điểm xuống giống, mưa to liên tục, đến lúc cây lớn thì thời tiết trở lạnh làm ảnh hưởng đến sự phát triển; giá vật tư nông nghiệp, phân bón, giá thối, chịu kiếng... đều tăng giá.

<sup>56</sup> Đến 15/01/2023, mới tiêm phòng vaccine Cúm gia cầm trên 40 ngàn con, LMLM 75 con bò, các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia súc 1,9 ngàn liều và các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia cầm 10,1 ngàn liều.

sản phẩm động vật xuất, nhập tỉnh. Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, khuyến cáo người nuôi cải tạo ao, hồ đúng quy trình kỹ thuật, chọn giống rõ nguồn gốc xuất xứ... đảm bảo thắng lợi vụ nuôi thủy sản năm 2023. Triển khai công tác trồng, chăm sóc, bảo vệ và phòng cháy rừng năm 2023.

Phối hợp chặt chẽ với Hội đồng thẩm định Trung ương xét, công nhận 02 huyện Cầu Ngang, Duyên Hải đạt chuẩn nông thôn mới. Ban hành Chương trình công tác năm 2023 của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh. Hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá, phân hạng, công nhận sản phẩm OCOP cấp quốc gia<sup>57</sup>.

3. Ban hành Kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Trà Vinh năm 2023; triển khai Đề án “Thúc đẩy doanh nghiệp tham gia trực tiếp các mạng phân phối nước ngoài đến năm 2030”; tăng cường thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” trong tình hình mới. Theo dõi, nắm sát tình hình Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, hỗ trợ nhà đầu tư triển khai các dự án điện gió; kêu gọi đầu tư, phát triển hạ tầng Khu, Cụm công nghiệp.

4. Đảm bảo an toàn kho quỹ, giao dịch tiền mặt. Rà soát kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 sang năm 2023; đối với kế hoạch vốn năm 2023, tập trung giải phóng mặt bằng và triển khai dự án ngay từ đầu năm.

5. Theo dõi, nắm bắt tình hình lao động trở lại làm việc sau Tết tại các doanh nghiệp. Tăng cường tư vấn giới thiệu việc làm; đẩy mạnh hoạt động tuyển dụng, đào tạo cung ứng lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng. Triển khai Kế hoạch thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung của các dự án, tiểu dự án về giáo dục nghề nghiệp thuộc 03 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023. Thực hiện tốt các chế độ, chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng, các chính sách trợ giúp xã hội. Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025.

6. Tiếp tục thực hiện tốt các biện pháp thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19. Hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục thực hiện di dời các khoa, phòng còn lại của bệnh viện Bệnh viện Đa khoa tỉnh cũ sang bệnh viện mới (700 giường) để sớm hoạt động ổn định. Tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm về vệ sinh an toàn thực phẩm, chủ động giám sát, xử lý và ngăn chặn kịp thời dịch bệnh nguy hiểm phát sinh.

7. Tổ chức sơ kết học kỳ I, nắm tình hình học sinh bỏ học sau Tết nguyên đán. Hướng dẫn phương án thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2022-2023; tổ chức Hội đồng thi học sinh giỏi Quốc gia 2023 theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tăng cường quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; xây dựng kế hoạch hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp năm 2023.

<sup>57</sup> Gồm: Tôm thè tằm bột dừa đông lạnh; Tôm thè đông lạnh ASC chần, xiên que tằm gia vị garlic chilli của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long và Bánh tráng IMEX TRAVINH của Công ty Lương thực Trà Vinh

**8.** Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023. Quan tâm công tác bảo vệ chăm sóc, bảo vệ trẻ em.

**9.** Quản lý chặt chẽ lĩnh vực tài nguyên nước, khoáng sản. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TU ngày 19/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh.

**10.** Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, góp phần nâng cao nhận thức, sự đồng thuận của xã hội; thông tin tuyên truyền kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam. Ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh năm 2023. Tổ chức Hội nghị tổng kết Ban Chỉ đạo cải cách hành chính; nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh và Chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh.

**11.** Theo dõi, đôn đốc điều tra xã hội học đo lường sự hài lòng về sự phục vụ hành chính của tỉnh Trà Vinh. Triển khai các Đoàn thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành, thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng chống tham nhũng theo kế hoạch. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo kịp thời, đúng quy định.

**12.** Tiếp tục đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, triển khai đồng bộ, quyết liệt các biện pháp bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông, kiểm soát tải trọng phương tiện giao thông, bảo vệ an toàn tuyệt đối các mục tiêu, công trình trọng điểm, các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội quan trọng. Xây dựng Kế hoạch diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh. Thực hiện tốt công tác gọi công dân nhập ngũ năm 2023./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT;
- Vụ IV - VPCP;
- Bộ Tư lệnh QK9;
- TT.TU; TTHĐND tỉnh;
- Các Thành viên UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành tỉnh (3 hệ);
- HĐND, UBND các huyện, TX, thành phố;
- BLĐ VP.UBND tỉnh;
- Các phòng NC;
- Lưu VT, THNV. 04

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Hân**

**Phụ lục 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU THÁNG 01 NĂM 2023**

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Năm 2023		So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 01	Kế hoạch	Cùng kỳ
<b>1</b>	<b>Tổng thu ngân sách</b>	Tỷ đồng	<b>12.229</b>	<b>12,886.418</b>	<b>927.388</b>	<b>7.20</b>	<b>7,583.41</b>
	<i>Trong đó: Thu nội địa</i>	Tỷ đồng	<i>12.229</i>	<i>5,701.000</i>	<i>47.211</i>	<i>0.83</i>	<i>386.06</i>
<b>2</b>	<b>Tổng chi ngân sách</b>	Tỷ đồng	<b>14.718</b>	<b>11,519.540</b>	<b>471.439</b>	<b>4.09</b>	<b>3,203.15</b>
<b>3</b>	<b>Số dự án đầu tư đăng ký mới<sup>(1)</sup></b>	Dự án	<b>1</b>		<b>1</b>		<b>100.00</b>
	- Số dự án trong nước	Dự án	1		1		100.00
	- Số vốn đăng ký trong nước	Tỷ đồng	7,856.08		110.00		1.40
	- Số dự án FDI	Dự án		2			
	- Vốn đăng ký FDI	triệu USD		175			
<b>4</b>	<b>Phát triển doanh nghiệp<sup>(2)</sup></b>						
	- Thành lập mới						
	+ Số doanh nghiệp	DN	37	<b>520</b>	41	7.88	110.81
	+ Số chi nhánh, địa điểm kinh doanh		13		13		100.00
	+ Vốn đăng ký	Tỷ đồng	407.0		128.0		31.45
	- Đăng ký bổ sung						
	+ Số doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc	DN	109		41		37.61
	+ Vốn bổ sung	Tỷ đồng	17		641		3,770.59
	- Giải thể	DN	19		9		47.37

(1) Đến nay có 379 dự án còn hiệu lực, trong đó có 37 dự án đầu tư nước ngoài, với tổng vốn đăng ký 3,066 tỷ USD và 342 dự án đầu tư trong nước, với tổng vốn đăng ký 137.967,5 tỷ đồng

(2) Đến nay có 3.667 doanh nghiệp, vốn 57.549 tỷ đồng, 83.602 lao động (hiện có 3.136 doanh nghiệp đang hoạt động, vốn 52.597 tỷ đồng, 74.128 lao động) trong đó có 43 doanh nghiệp FDI.

Phụ lục số 2. SẢN XUẤT NÔNG - LÂM NGHIỆP - THUY SẢN THÁNG 01 NĂM 2023

T	T	Đơn vị tỉnh	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Năm 2023		So sánh (%)						
				Công dồn từ đầu vụ đến 15/01	Kế hoạch							
A	NÔNG NGHIỆP	Ha	74,017	240,285	68,869	28.66						
							* Cây lương thực có hạt					
							- Diện tích gieo trồng	ha	65,295	191,400	59,847	31.27
							- Diện tích thu hoạch	ha	645	191,400	994	0.52
							- Sản lượng	Tấn	3,108	1,085,685	4,293	0.40
							1	Lúa cả năm				
							- Diện tích gieo sạ	ha	64,430	187,700	58,884	31.37
							- Diện tích thu hoạch	Ha	542	187,700	882	0.47
							- Năng suất	Tấn/ha	4.74	5.67	4.18	73.72
							- Sản lượng	Tấn	2,568	1,065,150	3,690	0.35
							Vụ Thu Đông 2022					
							- DT gieo sạ	ha	75,163	73,500	64,662	87.98
- Diện tích thu hoạch	Ha	75,163	73,500	64,580	87.86							
- Năng suất	Tấn/ha	5.14	5.30	4.83	91.09							
- Sản lượng	tấn	386,490	389,550	311,782	80.04							
a	Lúa mùa											
- DT gieo sạ	Ha	1,090	1,442	1,442	132.35							
- Diện tích thu hoạch	Ha	542	882	882	162.73							
- Năng suất	Tấn/ha	4.74	4.18	4.18	88.30							
- Sản lượng	Tấn	2,568	3,690	3,690	143.69							
b	Vụ Đông Xuân											
- Diện tích xuống giống	Ha	63,340	51,700	57,442	111.11							
- Diện tích thu hoạch	Ha	51,700	51,700	51,700	90.69							
- Năng suất	Tấn/ha	6.63	6.63	6.63	-							
- Sản lượng	Tấn	346,390	346,390	346,390	-							
2	Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm											
- Diện tích gieo trồng	Ha	9,587	52,585	9,985	18.99							
- Diện tích thu hoạch	Ha	1,398	52,585	1,570	2.98							
- Năng suất bình quân	tấn/ha	21.34	26.61	21.33	80.15							
- Sản lượng	Tấn	29,827	1,399,152	33,471	2.39							
a	Màu lương thực											
- Diện tích gieo trồng	Ha	1,171	5,970	1,232	20.64							
- Diện tích thu hoạch	Ha	103	5,970	112	1.88							
- Năng suất bình quân	tấn/ha	5.23	10.12	5.37	53.06							
- Sản lượng	Tấn	540	60,417	603	1.00							
Trong đó:												
+ Bắp:												
- Diện tích gieo trồng	Ha	865	3,700	963	26.02							
- Diện tích thu hoạch	Ha	103	3,700	112	3.04							
- Năng suất	Tấn/ha	5.23	5.55	5.37	96.76							
- Sản lượng	Tấn	540	20,535	603	2.94							



T	T	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Năm 2023		So sánh (%)
					Công dồn từ đầu vụ đến 15/01	Kế hoạch	
		+ Khoa lang					
		- Diện tích trồng	Ha	129	1,300	114	8,74
		- Diện tích thu hoạch	Ha		1,300		
		- Năng suất	Tấn/ha		16,89		
		- Sản lượng	Tấn		21,957		
		+ Khoai mì					
		- Diện tích trồng	Ha	99	570	88	15,40
		- Diện tích thu hoạch	Ha		570		
		- Năng suất	Tấn/ha		19,21		
		- Sản lượng	Tấn		10,950		
		+ Cây có củ khác					
		- Diện tích trồng	Ha	77	400	68	17,05
		- Diện tích thu hoạch	Ha		400		
		- Năng suất	Tấn/ha		17,44		
		- Sản lượng	Tấn		6,975		
		b Mầu thực phẩm					
		- Diện tích trồng	Ha	6,264	32,575	6,684	20,52
		- Diện tích thu hoạch	Ha		32,575		
		- Năng suất bình quân	tấn/ha	22,62	22,31		
		- Sản lượng	Tấn	29,287	726,781	32,868	4,52
		Trong đó:					
		+ Rau màu các loại					
		- Diện tích trồng	Ha	6,211	32,100	6,635	20,67
		- Diện tích thu hoạch	Ha		32,100		
		- Năng suất	Tấn/ha	22,75	22,61		
		- Sản lượng	Tấn	29,273	725,781	32,859	4,53
		+ Đậu các loại					
		- Diện tích trồng	Ha	53	475	49	10,27
		- Diện tích thu hoạch	Ha		475		
		- Năng suất	Tấn/ha	1,78	2,11	1,79	84,98
		- Sản lượng	Tấn	14	1,000	9	0,93
		c Cây công nghiệp hàng năm					
		- Diện tích trồng	Ha	2,153	14,040	2,069	14,73
		- Diện tích thu hoạch	Ha		14,040		
		- Năng suất bình quân	tấn/ha	43,59	43,59		
		- Sản lượng	Tấn	0	611,954	0	
		Trong đó:					
		+ Mía cây					
		- Diện tích trồng	Ha	27	1,300	26	2,01
		- Diện tích thu hoạch	Ha		1,300		
		- Năng suất	Tấn/ha		97,82		
		- Sản lượng	Tấn		127,166		
		+ Đậu phộng					
		- Diện tích trồng	Ha	1,243	4,420	1,180	26,70
		- Diện tích thu hoạch	Ha		4,420		



T	T	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Kế hoạch	Công đơn từ đầu vụ đến 15/01	Kế hoạch	Cùng kỳ	Năm 2023	
									So sánh (%)	
		- Năng suất	Tấn/ha		5,24					
		- Sản lượng	Tấn		23,161					
		+ Cây lạc								
		- Diện tích gieo trồng	Ha	257	2,570	249	9,69	96,81		
		- Diện tích thu hoạch	Ha		2,570					
		- Năng suất	Tấn/ha		11,82					
		- Sản lượng	Tấn		30,377					
		+ Cây khác								
		- Diện tích gieo trồng	Ha	626	5,750	613	10,66	97,99		
		- Diện tích thu hoạch	Ha		5,750					
		- Năng suất	Tấn/ha		75,00					
		- Sản lượng	Tấn		431,250					
<b>B LÀM NGHIỆP</b>										
		- DT rừng trồng tập trung	Ha		50					
		- DT rừng trồng được chăm sóc	Ha		116					
		- DT giao khoán bảo vệ	Ha		3,490					
<b>C THUY - HAI SAN:</b>										
		<b>Tổng sản lượng</b>	<b>Tấn</b>	<b>8,638</b>	<b>244,550</b>	<b>8,783</b>	<b>3,59</b>	<b>101,67</b>		
		Trong đó : - Tôm các loại	"	1,404	97,050	1,343	1,38	95,61		
		- Sản lượng Khai thác	<b>Tấn</b>	<b>4,079</b>	<b>64,350</b>	<b>3,996</b>	<b>6,21</b>	<b>97,97</b>		
		+ Khai thác hải sản (mùn, lợ)	<b>Tấn</b>	<b>3,616</b>	<b>57,500</b>	<b>3,537</b>	<b>6,15</b>	<b>97,81</b>		
		Trong đó: - Tôm các loại	"	478	5,500	469	8,53	98,11		
		- Các loại	"	2,062	29,500	1,985	6,73	96,26		
		- Hải sản khác	"	1,076	22,500	1,083	4,81	100,65		
		+ Khai thác nội đồng (nước ngọt)	<b>Tấn</b>	<b>463</b>	<b>6,850</b>	<b>459</b>	<b>6,70</b>	<b>99,20</b>		
		Trong đó: - Tôm các loại	"	76	550	73	13,18	95,91		
		- Các loại	"	138	1,800	133	7,37	96,31		
		- Thủy sản khác	"	250	4,500	254	5,64	101,80		
		- Sản lượng Nuôi trồng thủy sản	<b>Tấn</b>	<b>4,560</b>	<b>180,200</b>	<b>4,787</b>	<b>2,66</b>	<b>104,98</b>		
		Trong đó: + VÙNG MẶN LỢ	"	838	98,000	820	0,84	97,88		
		- Tôm sú	"	50	13,300	28	0,21	55,00		
		- Tôm thẻ chân trắng	"	624	75,500	653	0,86	104,60		
		- Cua biển	"	81	6,200	49	0,78	59,80		
		- Thủy sản khác	"	83	3,000	91	3,04	110,48		
		+ VÙNG NƯỚC NGỌT	"	3,722	82,200	3,966	4,83	106,57		
		- Tôm càng xanh	"	176	2,200	121	5,49	68,42		
		- Cá lóc	"	2,301	55,500	2,690	4,85	116,93		
		- Cá tra, cá ba sa	"	23	7,000	63	0,90	273,91		
		- Các loại	"	1,222	17,500	1,093	6,24	89,43		
2		<b>Diện tích nuôi trồng thủy sản</b>	<b>Ha</b>	<b>8,248</b>	<b>52,100</b>	<b>8,248</b>	<b>15,83</b>	<b>100,01</b>		
		- Diện tích nuôi mận, lợ	<b>Ha</b>	<b>8,117</b>	<b>48,600</b>	<b>8,147</b>	<b>16,76</b>	<b>100,37</b>		
		Trong đó: - Nuôi tôm sú	"	3,541	19,500	3,699	18,97	104,47		

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Năm 2023		So sánh (%)	
				Kế hoạch	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/01	Kế hoạch	Cùng kỳ
	- Tôm thẻ chân trắng	"	761	8,300	516	6.21	67.75
	- Nuôi cua biển	"	3,815	20,000	3,933	19.66	103.09
	- Thủy sản khác	"		800	-	-	
	- <i>Diện tích nuôi nước ngọt</i>	<i>Ha</i>	<i>131</i>	<i>3,500</i>	<i>101</i>	<i>2.89</i>	<i>77.32</i>
	<i>* Tình hình thiệt hại tôm sú</i>						
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	2,445		2,741		112.11
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	41		29		70.73
	- Diện tích thả nuôi	Ha	3,541		3,699		104.47
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	19		11		56.45
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	174		156		89.45
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	3		2		50.00
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	1.83		1.03		55.90
	<i>* Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng</i>						
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	2,044		1,319		64.53
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	9		58		644.44
	- Diện tích thả nuôi	Ha	761		516		67.75
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	2		18		778.26
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	615		560		90.96
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	3		8		242.19
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	0.52		1.38		266.25

**PHỤ LỤC SỐ 3: SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI THÁNG 01 NĂM 2023**

So sánh (%)	Năm 2023				Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Đơn vị tính	Chi tiêu
	Kế hoạch (có nhiệt độ)	Kế hoạch (không nhiệt độ)	U/TH tháng 01	Kế hoạch (không nhiệt độ)			
92.62	10.39	1.454	14.000	17.100.000	1.570	Tỷ đồng	- Khai khoáng
95.98	7.40	1.266.099	17.100.000	16.413.000	1.319.119	Tỷ đồng	- Công nghiệp chế biến, chế tạo
78.21	90.80	1.279.422	1.409.000	1.635.828	1.635.828	Tỷ đồng	- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí
96.69	7.69	25.913	337.000	337.000	26.801	Tỷ đồng	- Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải
							<b>Sản phẩm chủ yếu:</b>
99.98	7.71	720	9.338	7.000	720	Tấn	1 Thủy sản đông lạnh
65.57	37.07	2.595	7.000	6.000	3.957	Tấn	2 Đường kết
120.00	10.00	600	6.000	6.000	500	Tấn	3 Than hoạt tính
163.66	7.75	142	1.832	1.832	87	Tr. viên	4 Thuốc viên các loại
98.47	3.89	287	7.384	7.384	292	1000chức	5 May mặc(quần áo các loại)
92.23	4.45	98	2.200	2.200	106	1000m2	6 Thảm dệt các loại
100.06	7.87	2.808	35.680	35.680	2.806	1000m3	7 Nước sinh hoạt
52.98	1.74	12.557	723.298	723.298	23.702	Tấn	8 Gạo xay xát
105.56	8.24	1.028	12.466	12.466	973	1000 bô	9 Bộ truyền dẫn điện dùng trong ô tô
160.13	2.00	240	12.000	12.000	150	1000cái	10 Sản xuất túi xách các loại
103.85	5.49	412	7.500	7.500	396	1000 đôi	11 Giày thành phẩm
108.10	8.66	100	1.150	1.150	92	Tr. Kwh	12 Sản lượng điện thương phẩm
65.27	58.07	6.39	1.388	12.617	1.235	Tr. Kwh	13 Sản lượng điện sản xuất
100.24	99.91	99.51	99.60	99.60	99.27	%	<b>TỶ LỆ HỘ SỬ DỤNG ĐIỆN TRONG TỈNH</b>
46.28	5.60	56	1.000	1.000	121	Hộ	Phát triển hộ sử dụng điện
178.17	9.56	5.015.46	52.465.00	52.465.00	2.815.00	Tỷ đồng	<b>TỔNG MỨC BÀN LỄ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ</b>
175.76	9.65	3.465.63	35.931.00	35.931.00	1.971.82	Tỷ đồng	Bán lẻ hàng hóa
206.14	9.64	919.05	9.533.00	9.533.00	445.84	Tỷ đồng	Dịch vụ lưu trú, ăn uống
	15.53	3.26	21.00	21.00	-	Tỷ đồng	Du lịch lữ hành
157.93	8.99	627.52	6.980.00	6.980.00	397.34	Tỷ đồng	Dịch vụ khác

